|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH AN GIANG** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: **… /2020**/QĐ-UBND | *An Giang, ngày … tháng …năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khai thác** **và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang**

Dự thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương Số 77/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Số 80/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Thanh tra Số 56/2010/QH12;*

*Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;*

*Căn cứ Nghị định Chính phủ Số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 Quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ* *Quy đinh chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thủy sản;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;*

*Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; Công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; Danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; Xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; Công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; Bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; Đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; Xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số ..../TTr-SNNPTNT ngày ... tháng ... năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …tháng … năm 20….

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

***Nơi nhận:*** **CHỦ TỊCH**

- Website Chính phủ;

- Bộ NN và PTNT;

- Bộ Tài chính;

- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);

- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;

- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;

- UBND các huyện, thị xã và thành phố;

- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;

- Website An Giang;

- Trung tâm Công báo - Tin học;

- Ban Tiếp công dân của tỉnh;

- Phòng NC, KTN, KTTH, TH, KGVX;

- Lưu: P. HCTC.

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH AN GIANG** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản**

**trên địa bàn tỉnh An Giang**

# **Chương I**

# **QUY ĐỊNH CHUNG**

# **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoặc có liên quan đến hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; quản lý nhà nước về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang. (*căn cứ vào* *Điều 1, Luật Thủy sản số 18/2017/QH14*)

2. Các nội dung không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

# **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. hoặc có liên quan đến hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong các vùng nước tự nhiên trên địa bàn tỉnh An Giang.

# **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Khai thác thủy sản* là hoạt động đánh bắt hoặc hoạt động hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản. *(theo Khoản 18, Điều 3, Luật Thủy sản số 18/2017/QH14)*
2. *Hoạt động hậu cần đánh bắt* nguồn lợi thủy sản là hoạt động vận chuyển nguồn lợi thủy sản đánh bắt được trong các vùng nước tự nhiên. (*theo Khoản 19, Điều 3, Luật Thủy sản số 18/2017/QH14)*
3. *Phát triển nguồn lợi thủy sản tự nhiên* là quá trình tự phục hồi hoặc hoạt động phục hồi, gia tăng nguồn lợi thủy sản tự nhiên bản địa tại các thủy vực tự nhiên của tỉnh, sông Mê Kông.
4. Khai thác thủy sản bất hợp pháp là hoạt động khai thác thủy sản được thực hiện bởi tàu cá của Việt Nam, nước ngoài trong vùng biển thuộc quyền tài phán của một quốc gia mà không được phép, hoạt động trái với luật pháp, quy định của quốc gia đó hoặc tàu cá treo cờ của quốc gia đã ký thỏa ước với một tổ chức quản lý nghề cá khu vực nhưng hoạt động trái với các biện pháp bảo tồn và quản lý của tổ chức có tính chất ràng buộc đối với quốc gia tàu treo cờ, hoạt động trái với các điều khoản trong luật quốc tế được áp dụng hoặc tàu cá vi phạm luật quốc gia hay các nghĩa vụ quốc tế, bao gồm cả luật và nghĩa vụ quốc tế của các quốc gia hợp tác với một tổ chức quản lý nghề cá khu vực liên quan. *(theo Khoản 13, Điều 3, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)*
5. *Nghề cào hến* là nghề sử dụng lưới kéo, đánh bắt hến theo phương pháp cào bùn, lọc bùn bắt hến trên các tuyến sông, kênh, rạch.

# **Chương II**

# **QUẢN LÝ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

# **Điều 4. Nghề, ngư cụ cấm khai thác**

Ngoài hóa chất cấm, chất độc, chất nổ, xung điện, xiệp, đăng - dớn, lồng xếp, đáy, các nội dung khác được quy định trong Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quy định này, quy định bổ sung:

Nghề lưới kéo bắt hến (*tên địa phương là nghề cào hến*) trên sông, kênh, rạch, búng, lòng hồ, lòng xép; các vùng nước tự nhiên trên địa bàn tỉnh An Giang.

# **Điều 5. Quản lý các loài thủy sản quý, hiếm**

Các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm của tỉnh An giang và lưu vực sông Mê kông (*đính kèm phụ lục A, B*) thuộc Nhóm I, II; Phụ lục II, Nghị định 26/2019/NĐ-CP, phải tuân thủ chế độ quản lý, bảo vệ và khai thác được quy định tại Điều 8, 9, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản khác.

# **Điều 6. Giấy phép khai thác thủy sản nội địa**

Các tổ chức, cá nhân sử dụng tàu khai thác thủy sản bằng lưới kéo (lưới kéo khung, lưới kéo ván mở hay cào dép hoặc cào thái; lưới kéo hai tàu hay lưới kéo đôi), lưới vây, lưới giựt, lưới nèm, chài rê; có chiều dài tàu lớn nhất từ 06 mét trở lên phải có Giấy phép khai thác thủy sản. *(theo Khoản 3, Điều 48, Luật Thủy sản số 18/2017/QH14)*

# **Điều 7. Quản lý đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá**

Các tổ chức, cá nhân đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong vùng nước nội địa, thuộc phạm vi tỉnh An Giang đều phải có văn bản chấp thuận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *(theo Khoản 1, Điều 62, Luật Thủy sản số 18/2017/QH14)*

# **Điều 8. Bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá**

Các tổ chức, cá nhân thường trú trên địa bàn tỉnh An Giang, sử dụng tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên khai thác thủy sản, phải đưa tàu cá đến cơ sở đăng kiểm gần nhất để đăng kiểm tàu cá.

Đối với tàu cá dưới 12 mét thì không bắt buộc thực hiện đăng kiểm, nhưng tổ chức, cá nhân phải lắp đặt trang thiết bị an toàn theo Phụ lục C, trích Phụ lục IV,Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT, tự đảm bảo an toàn kỹ thuật tàu cá. Lực lượng chức năng xử lý nghiêm các trường hợp không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật theo quy định. *(theo Điều 13, Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)*

# **Điều 9. Đăng ký tàu cá**

Các tổ chức, cá nhân sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên phải đăng ký tàu cá theo quy định. *(theo Điều 71, Luật Thủy sản số 18/2017/QH14)*

# **Chương III**

**QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN**

# **Điều 10. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản**

1. Chấp hành tốt các nội dung liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Quy định này, các văn bản pháp luật khác.
2. Trong hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản luôn mang theo giấy Chứng minh nhân dân, giấy đăng ký tàu cá, giấy phép khai thác thủy sản, bằng thuyền trưởng, trình cho Đoàn kiểm tra khi được yêu cầu.
3. Tuân thủ và tạo điều kiện cho lực lượng chức năng kiểm tra hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tuyệt đối không được cản trở, chống đối người thi hành công vụ.
4. Khuyến khích ngư dân và cộng đồng dân cư kịp thời thông tin đến cơ quan chức năng, những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, để có biện pháp ngăn chặn xử lý kịp thời.
5. Khuyến khích các tổ chức cá nhân tham gia, đóng góp nguồn lực cho hoạt động thả cá giống tái tạo nguồn lợi thủy sản, theo sự hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và chính quyền địa phương huyện, thị xã, thành phố.
6. Được quyền khiếu nại và được giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

# **Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh**

1. **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Căn cứ chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc, tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề, nghề cá thương phẩm trên địa bàn theo đúng quy định, phù hợp với đặc thù của địa phương.

c) Phối hợp với Tổng cục Thủy sản điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản trên địa bàn; Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả phối hợp thực hiện.

d) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu, xem xét các khu vực có nhiều ngư dân sinh sống gần và khai thác thủy sản tại các vùng nước tự nhiên như Búng Bình Thiên, sông Vàm Nao, các vùng tự nhiên khác có tiềm năng triển khai đồng quản lý, để tuyên truyền, tập huấn, phổ biến pháp luật về đồng quản lý; Hướng dẫn, hỗ trợ chính quyền địa phương, người dân về trình tự thủ tục công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng; tổ chức thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

đ) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản theo đúng quy định; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện hàng năm.

e) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc, phối hợp với các viện trường, lập kế hoạch, tổ chức điều tra, xác định bổ sung các khu vực có tiềm năng thành lập khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Búng Bình Thiên, Sông Vàm Nao, sông Hậu đoạn từ bến phà Trà Ôn đến bến phà Ô Môi, các khu vực tiềm năng khác; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê chuẩn đề án thành lập Quỹ bảo vệ phát triển nguồn lợi tỉnh An Giang. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ, Cơ chế hoạt động; Quản lý, sử dụng tài chính phải tuẩn thủ quy định của Quỹ bảo vệ và phát triển tỉnh An Giang. Trường hợp không thành lập được Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh An Giang, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phương án thực hiện một phần hoặc nhiều phần nội dung công việc của Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, tuân thủ đúng quy định hiện hành.

h) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo cơ quan chuyên môn sử dụng công cụ quản lý nhà nước nhằm hạn chế việc đóng mới, gia tăng số lượng tàu để khai thác thủy sản bằng lưới kéo, hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang. tại Khoản 1 Điều 62 Luật Thủy sản có quy định là “UBND tỉnh công khai tiêu chí đặc thù của địa phương và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa thuộc phạm vi quản lý”.

i) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, tăng cường tuyên truyền, phổ biến quy định đến các tổ chức, cá nhân sử dụng tàu cá tại các thủy vực tự nhiên thuộc địa bàn tỉnh An Giang, hiểu và chấp hành tốt quy định về đăng ký tàu cá.

j) Chỉ đạo đơn vị chuyên môn trực thuộc, có chức năng theo quy định, Lập kế hoạch vận động nguồn kinh phí từ tổ chức, cá nhân phục vụ cho hoạt động thả cá giống, bổ sung tái tạo nguồn lợi thủy sản tự nhiên. Việc thả cá tái tạo nguồn lợi thủy sản phải được cải thiện, duy trì thường xuyên hàng năm. Tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức cá nhân trong việc chọn lựa giống thủy sản để thả tái tạo nguồn lợi, theo đúng quy định.

k) Phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, cơ quan chức năng, tổ chức cộng đồng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm theo thẩm quyền tại khu vực thực hiện đồng quản lý của tỉnh.

Phối hợp với Phòng Cảnh sát Đường thủy (PC68), Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về Môi trường (PC49) xây dựng kế hoạch liên ngành hàng năm, triển khai thực hiện tuần tra, kiểm tra việc sử dụng ngư cụ cấm để khai thác thủy sản, kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Thường xuyên nhắc nhở các hộ ngư dân sử dụng tàu có chiều dài từ sáu mét trở lên khai thác thủy sản phải đăng ký tàu cá, có giấy phép khai thác thủy sản.

Phối hợp với Bộ đội Biên phòng, chính quyền địa phương cấp huyện, thị xã, thành phố tuần tra, kiểm tra các hành vi sử dụng ngư cụ cấm để khai thác thủy sản tại các khu vực biên giới.

Kiên quyết đấu tranh, phát hiện những tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh công cụ kích điện (xuyệt điện), lồng xếp dùng cho hoạt động đánh bắt thủy sản, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

l) Phối hợp với Báo An Giang mở các chuyên mục giới thiệu, phổ biến Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành về lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, lồng ghép tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các tổ chức và cá nhân.

m) Kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác thủy sản; Hàng năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có kế hoạch phối hợp kiểm tra đột xuất việc thực hiện của các huyện, thị xã, thành phố đối với công tác tăng cường quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại địa bàn. Báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh những địa phương vẫn còn để xảy ra tình trạng sử dụng ngư cụ cấm trên địa bàn để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

o) Tổng hợp báo cáo đúng theo quy định hiện hành.

1. **Sở Thông tin và Truyền thông**

Có kế hoạch, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang tuyên truyền phổ biến rộng rãi các nội dung của Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**3. Đài truyền thanh cấp huyện, thị xã, thành phố**

Thường xuyên đưa tin những hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động khai thác thủy sản đã bị lực lượng chức năng xử phạt.

**4. Sở Tài chính**

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Quy định này trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị có liên quan, trên cơ sở lồng ghép với các chương trình dự án, các nguồn kinh phí khác và theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

**5. Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cụ thể về các chương trình đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm trên các phương tiện thông tin đại chúng, để ngư dân khai thác thủy sản hiểu được chủ trương của tỉnh, đăng ký tham gia các lớp đào tạo nghề và chuyển nghề.

**6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh An Giang**

Chỉ đạo Ngân hàng chính sách xã hội, các Ngân hàng thương mại trên địa bàn bố trí nguồn vốn, tạo điều kiện cho ngư dân khai thác thủy sản vay để học và chuyển đổi nghề theo quy định của Nhà nước.

# **Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn**

1. **Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)**
2. Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế ở các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn, tăng cường tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn; biên soạn, in phát hành tài liệu tuyên truyền, đăng tải thông tin tuyên truyền về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện; các phương tiện thông tin đại chúng, Đài Truyền thanh các xã, phường, thị trấn nhằm đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về thủy sản đến ngư dân khai thác thủy sản trên địa bàn.
3. Đưa công tác quản lý khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt công tác tuần tra, kiểm tra, xử lý ngư dân có hành vi khai thác thủy sản bằng ngư cụ cấm trên địa bàn trở thành nhiệm vụ thường xuyên, đây là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của địa phương.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hỗ trợ Đoàn Kiểm tra liên ngành địa điểm giữ, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm để xử lý hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động khai thác thủy sản.

d) Chủ động bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động tuyền thông, tuần tra kiểm tra các hoạt động khai thác thủy sản; Tổ chức phổ biến, hướng dẫn kỹ thuật phục vụ công tác tái tạo nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý.

đ) Trang bị cho lực lượng chức năng tại các địa bàn trọng điểm phương tiện, công cụ phục vụ công tác tuần tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động khai thác thủy sản.

e) Thực hiện nghiêm đối với việc không cho phép đặt chà bắt cá, trên các tuyến sông, kênh, rạch, lòng xép, lòng búng, lòng hồ là nơi có giao thông thủy hoặc không có giao thông thủy.

g) Không cho phép ngư dân sử dụng lưới kéo bắt hến trên các thủy vực tự nhiên của tỉnh An Giang.

h) Hàng năm tổ chức điều tra, thống kê các hộ khai thác thủy sản bằng ngư cụ cấm trên địa bàn. Đồng thời, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các Sở, Ban, Ngành có liên quan trong việc đào tạo chuyển đổi nghề và tìm việc làm cho các đối tượng này, phấn đấu đến năm 2025 không còn việc sử dụng ngư cụ cấm để khai thác thủy sản trên địa bàn.

i) Xây dựng kế hoạch huy động, vận động nguồn kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân quan tâm đến hoạt động bảo tồn các giống loài thủy sản tự nhiên, để tổ chức thả cá giống tái tạo nguồn lợi thủy sản vào những ngày lễ hội hàng năm, tại những thủy vực tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

k) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi để tình trạng khai thác nguồn lợi thủy sản bằng ngư cụ cấm tại địa phương mà không có biện pháp ngăn chặn, xử lý triệt để.

1. **Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn**
2. Hàng năm, lập kế hoạch triển khai các hoạt động tuyền thông, tuần tra, kiểm tra, xử lý ngư dân có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động khai thác thủy sản, trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt.
3. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật thủy sản về hoạt động khai thác thủy sản đến ngư dân, để biết, hiểu và chấp hành tốt các quy định; triển khai nhiều biện pháp nhằm quản lý có hiệu quả các hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
4. Tăng cường tổ chức tuần tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác thủy sản, thuộc phạm vi quản lý. Phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản, các Đoàn thanh tra liên ngành của tỉnh, huyện, tuần tra, kiểm tra các hoạt động khai thác thủy sản, hỗ trợ địa điểm giữ, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm.
5. Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

**Điều 13. Chế độ báo cáo**

* 1. Hàng năm, các Sở, Ban, Ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm định kỳ báo cáo kết quả việc thực hiện Quy định này (báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 6, báo cáo năm trước ngày 10 tháng 12) gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Báo cáo gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh có kèm đề xuất khen thưởng và phê bình những tổ chức, cá nhân, đơn vị thực hiện tốt và chưa tốt các nhiệm vụ được phân công theo tinh thần Quyết định này.
  2. Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, tổng hợp báo cáo kết quả tình hình thực hiện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ 6 tháng, năm.

# **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc những nội dung cần sửa đổi, bổ sung; các đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |
| --- |
| **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH** **CHỦ TỊCH** |

**Phụ lục A**

Trích DANH MỤC LOÀI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM  
*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ)*

**PHỤ LỤC II** - **PHẦN I. NHÓM I**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | | **Tên Việt Nam** | **Tên khoa học** |
|  | **I** | **LỚP ĐỘNG VẬT CÓ VÚ** | **MAMMALIAS** |
| 1 | 3. | Họ cá heo nước ngọt (tất cả các loài) | Platanistidae |
|  | **II** | **LỚP CÁ XƯƠNG** | **OSTEICHTHYES** |
| 2 | 7. | Cá chình mun | *Anguilla bicolor* |
| 3 | 12. | Cá thát lát khổng lồ | *Chitala lopis* |
| 4 | 15. | Cá hô | *Catlocarpio siamensis* |
| 5 | 20. | Cá may | *Gyrinocheilus aymonieri* |
| 6 | 22. | Cá mơn (Cá rồng) | *Scleropages formosus* |
| 7 | 29. | Cá tra dầu | *Pangasianodon gigas* |
| 8 | 30. | Cá trèn bầu | *Ompok bimaculatus* |
| 9 | 31. | Cá vồ cờ | *Pangasius sanitwongsei* |
| 10 | 33. | Cá bám đá | *Gyrinocheilus pennocki* |
| 11 | 34. | Cá trê tối | *Clarias meladerma* |
| 12 | 35. | Cá trê trắng | *Clarias batrachus* |

**Phụ lục B**

Trích DANH MỤC LOÀI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM  
*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ)*

**PHẦN II. NHÓM II**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **TT** | **Tên Việt Nam** | | **Tên khoa học** | **Thời gian cấm khai thác trong năm (ngày/tháng)** | **Kích thước tối thiểu cho phép khai thác** (Tổng chiều dài (TL) tính theo cm) |
| **I** | **LỚP CÁ** | | | | |
| 1 | 4. | Cá cháo lớn | *Megalops cyprinoides* | 1/3 - 1/6 | ≥ 20 |
| 2 | 5. | Cá chày đất | *Spinibarbus hollandi* | 1/4 - 31/8 | ≥ 30 |
| 3 | 6. | Cá chiên | *Bagarius rutilus* | 1/4 - 31/7 | ≥ 45 |
| 4 | 7. | Cá chiên bạc | *Bagarius yarrelli* | 1/4 - 31/8 | ≥ 45 |
| 5 | 8. | Cá chình hoa | *Anguilla marmorata* | 1/3 - 30/4 |  |
| 6 | 10. | Cá còm (cá nàng hai) | *Chitala ornata* | 1/5 - 30/10 | ≥ 40 |
| 7 | 11. | Cá còm hoa (Thát lát cườm) | *Chitala blanci* | 1/5 - 30/10 | ≥ 40 |
| 8 | 12. | Cá dảnh bông | *Puntioplites bulu* | 1/6 - 31/10 | ≥ 30 |
| 9 | 13. | Cá duồng | *Cirrhinus microlepis* | 1/4 - 31/8 | ≥ 30 |
| 10 | 14. | Cá duồng bay | *Cosmochilus harmandi* | 1/6 - 31/9 | ≥ 30 |
| 11 | 15. | Cá ét mọi | *Morulius chrysophekadion* | 1/5 - 31/9 | ≥ 20 |
| 12 | 16. | Cá he đỏ | *Barbonymus altus* | 1/6 - 31/9 | ≥ 30 |
| 13 | 17. | Cá he vàng | *Barbonymus chwanenfeldi* | 1/4 - 31/9 | ≥ 30 |
| 14 | 19. | Cá hường | *Datnioides microlepis* | 1/4 - 31/8 | ≥ 20 |
| 15 | 20. | Cá hường vện | *Datnioides quadrifasciatus* | 1/6 - 31/8 | ≥ 20 |
| 16 | 21. | Cá lăng (Cá lăng chấm) | *Hemibagrus guttatus* | 1/4 - 31/7 | ≥ 56 |
| 17 | 24. | Cá măng sữa | *Chanos chanos* | 1/3 - 31/5 |  |
| 18 | 29. | Cá mõm trâu | *Bangana behri* | 1/5 - 31/9 | ≥ 30 |
| 19 | 31. | Cá ngựa | *Tor mekongensis* | 1/6 - 31/10 | ≥ 30 |
| 20 | 32. | Cá ngựa bắc | *Tor (Folifer) brevifilis* | 1/4 - 31/8 | ≥ 20 |
| 21 | 33. | Cá ngựa nam | *Hampala macrolepidota* |  | ≥ 18 |
| 22 | 34. | Cá ngựa xám | *Tor tambroides* | 1/4 - 31/8 | ≥ 30 |
| 23 | 36. | Cá sỉnh (niên) | *Onychostoma gerlachi* | 1/4 - 31/8 | ≥ 30 |
| 24 | 38. | Cá sủ | *Boesemania microlepis* | 1/4 - 31/8 | ≥ 60 |
| 25 | 39. | Cá thái hổ | *Datnioides pulcher* | 1/6 - 31/8 | ≥ 20 |
| 26 | 40. | Cá trà sóc | *Probarbus jullieni* | 1/12 - 30/1 năm sau |  |
| 27 | 41. | Cá trèn | *Ompok siluroides* | 1/4 - 31/8 | ≥ 40 |